



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Arrivo 25 EC

SDS # : 3766-A
Ngày sửa đổi: 2018-06-28
Format: AP
Phiên bản 3

Mục 1: LAI LỊCH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên Sản Phẩm	Arrivo 25 EC
(Các) Mã Sản Phẩm	3766-A
Từ đồng nghĩa	CYPERMETHRIN (FMC 30980); (RS)- α -cyano-3-phenoxybenzyl (1RS,3RS;1RS,3SR)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (IUPAC name); cyano(3-phenoxyphenyl)methyl 3-(2,2-dichloroethenyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (CAS name)
Active Ingredient(s)	Cypermethrin
Họ Hóa Chất	Pyrethroid Pesticide
Mục Đích Sử Dụng Được Đề Nghị	Thuốc trừ sâu.
Hạn chế sử dụng	Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.
Nhà sản xuất	Đơn Vị Nhập Khẩu FMC Corporation Agricultural Solutions 2929 Walnut Street Philadelphia, PA 19104 General Information: Phone: (215) 299-6000 E-Mail: msdsinfo@fmc.com FMC VIETNAM COMPANY LIMITED No. 12 lot B, Thong Nhat Road Song Than 2 Industrial Zone Di An Ward, Di An Town Binh Duong Province Vietnam Phone: (+84) 0274 3790503 Fax: (+84) 0274 3790501

Số điện thoại khẩn cấp

Medical Emergencies:
1 800 / 331-3148 (ProPharma Group - U.S.A. & Canada)
1 651 / 632-6793 (ProPharma Group - All Other Countries - Collect)

For leak, fire, spill or accident emergencies, call:
1 800 / 424-9300 (CHEMTREC - U.S.A.)
1 703 / 741-5970 (CHEMTREC - International)
1 703 / 527-3887 (CHEMTREC - Alternate)

Mục 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

GHS - Phân loại

Độc tính hô hấp qua miệng	Cấp 1
Độc tính cấp tính - Qua miệng	Cấp 3
Độc tính cấp tính - Qua Hô Hấp (Bụi/Sương)	Cấp 4
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Cấp 2A
Gây mẫn cảm da	Cấp 1B
Khả năng gây ung thư	Cấp 2
STOT - tiếp xúc một lần	Cấp 3
Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc lặp lại)	Cấp 2

Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	Cấp 1
Độc tính lâu dài cho môi trường nước	Cấp 1
Chất lỏng dễ cháy	Cấp 3

Các Thành Phần Của Nhãn**Từ Cảnh Báo****Nguy hiểm****Cảnh Báo Nguy Cơ**

H304 - Có thể chết nếu nuốt phải hoặc hít phải
H301 - Ngộ độc nếu nuốt phải
H332 - Có hại nếu hít phải
H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da
H351 - Nghi ngờ gây ung thư
H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp
H336 - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài
H226 - Hơi và chất lỏng dễ cháy

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Phòng Ngừa

P210 - Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc
P233 - Giữ dụng cụ đựng thật kín
P240 - Tiếp đất/nối điện cho dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận
P242 - Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa
P243 - Sử dụng các biện pháp để phòng phóng tĩnh điện
P280 - Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt
P264 - Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác
P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
P271 - Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt
P272 - Quần áo làm việc bị nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc
P280 - Đeo kính mắt/kính che mặt bảo hộ
P202 - Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó

P303 + P361 + P353 - NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Tháo bỏ/ Cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm
P370 + P378 - Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng Carbon dioxide (CO₂), Hóa chất khô, Bọt chống cồn, Phun nước để dập tắt
P301 + P310 - NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ
P331 - KHÔNG gây nôn
P330 - Súc miệng
P321 - Điều trị bằng phương pháp đặc hiệu (xem hướng dẫn thêm về sơ cứu trên nhãn này)
P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe
P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở
P305 + P351 + P338 - NẾU TIẾP XÚC VỚI MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và để

thực hiện. Tiếp tục rửa

P337 + P313 - Nếu kích ứng mắt tồn tại dai dẳng: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước

P333 + P313 - Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc

P362 + P364 - Cởi bỏ tất cả các quần áo đã bị nhiễm và đem giặt trước khi sử dụng lại

P308 + P313 - Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bắn khoản: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản

P403 + P235 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát

P405 - Bảo quản khóa chặt

P403 + P233 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ kín dụng cụ đựng

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ

P501-Vứt bỏ nội dung / thùng chứa theo hướng dẫn trên nhãn

Thông tin khác

Chưa được biết

Mục 3: THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Từ đồng nghĩa CYPERMETHRIN (FMC 30980); (RS)- α -cyano-3-phenoxybenzyl

(1*R*,3*R*;1*R*,3*SR*)-3-(2-(2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (IUPAC name); cyano(3-phenoxyphenyl)methyl 3-(2,2-dichloroethenyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (CAS name)

Tên hóa chất	Số CAS	Phần trăm trọng lượng
Naphtha (petroleum), heavy aromatic	64742-94-5	60-70
Cypermethrin	52315-07-8	26
Pseudocumene	95-63-6	<22
Xylenes	1330-20-7	1-5
Cumene	98-82-8	0.1-1

Mục 4: CÁC BIÊN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải

Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc khó chịu khi thở và vẫn tồn tại, hãy nhận được sự chăm sóc y tế.

Tiếp Xúc Với Da

Rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước đồng thời cởi bỏ tất cả các quần áo và giày dép bị nhiễm. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.

Tiếp Xúc Với Mắt

Rửa mắt bằng nước trong ít nhất 15 phút. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng mắt phát triển hoặc vẫn tồn tại.

Ăn phải

Ngày lập tức gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ. Không được gây nôn trừ khi được một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Đừng cho người này bất cứ giọt nước nào. Không cho bất cứ điều gì bằng miệng cho một người bất tỉnh.

Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện

Tác dụng hệ thần kinh trung ương, Phản ứng dị ứng da.

Bảo vệ người sơ cứu

Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Mục 8 để biết thêm chi tiết.

Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Sản phẩm này chứa các hydrocacbon thơm có thể tạo ra viêm phổi nặng nếu hít phải trong quá trình nôn. Điều trị bằng cách khác là kiểm soát việc loại bỏ tiếp xúc, sau đó là chăm sóc có triệu chứng và hỗ trợ.

Mục 5: CÁC BIÊN PHÁP CHỮA CHÁY

Tính chất cháy

Chất lỏng dễ cháy.

Chất Chứa Cháy Phù Hợp Hóa chất khô, Carbon dioxide (CO₂), Bọt chịu cồn, Nước xịt. Tránh các luồng ống nặng.

Chất chứa cháy không phù hợp Không có thông tin

Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất Giữ sản phẩm và thùng đựng rỗng hết cách xa nhiệt và các nguồn gây cháy.

Sản Phẩm Cháy Nguy Hiểm Phân hủy do nhiệt có thể dẫn đến việc giải phóng khí độc và hơi khó chịu và hơi độc: Các Cacbon oxyt, Hydro xyanua, Chlorine, Hydrogen chloride.

Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng cho nhân viên chữa cháy Cô lập khu vực cháy. Đánh giá upwind. Như trong bất kỳ đám cháy, thiết bị thở khép kín và thiết bị bảo vệ đầy đủ. Cô lập khu vực cháy.

Mục 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân Cô lập và sau khi tràn khu vực. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy. Sử dụng trang phục bảo hộ, găng tay và kính mắt/kính che mặt thích hợp. Để bảo vệ cá nhân, xem phần 8.

Khác Để biết thêm hướng dẫn dọn dẹp, hãy gọi Đường dây nóng khẩn cấp FMC được liệt kê trong Phần 1 "Xác định sản phẩm và công ty" ở trên.

Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường Giữ người và động vật cách xa và hướng gió ngược lên / rò rỉ. Giữ nguyên vật liệu ra khỏi hồ, suối, ao, và cống rãnh thoát nước.

Các Phương Pháp Ngăn Chặn Đề ngăn chặn dòng chảy. Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó.

Các phương pháp làm sạch Làm sạch và trung hòa khu vực tràn, dụng cụ và thiết bị bằng cách rửa bằng nước và xà phòng. Hấp thụ nước rửa và thêm vào chất thải đã thu gom. Chất thải cần phải được phân loại và dán nhãn trước khi tái chế hoặc loại bỏ. Vứt bỏ chất thải như được chỉ ra trong Phần 13.

Mục 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Thao tác Không làm ô nhiễm các loại thuốc trừ sâu, phân bón, nước, thực phẩm hoặc thức ăn khác bằng cách cất giữ hoặc thải bỏ.

Cất giữ Giữ dụng cụ đựng ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Tránh xa ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và nguồn lửa. Để xa tầm với của trẻ em và động vật. Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu.

Vật liệu cần tránh Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.

Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các Giới Hạn Tiếp Xúc

Component	Trung Quốc	Nhật Bản	Hàn Quốc	Úc	Đài Loan
Pseudocumene 95-63-6 (<22)		OEL: 25 ppm OEL: 120 mg/m ³			
Xylenes 1330-20-7 (1-5)	TWA: 50 mg/m ³ STEL: 100 mg/m ³	OEL: 50 ppm OEL: 217 mg/m ³ ISHL/ACL: 50 ppm	STEL: 150 ppm TWA: 100 ppm	STEL 150 ppm STEL 655 mg/m ³ TWA 80 ppm TWA 350 mg/m ³	STEL 125 ppm STEL 542.5 mg/m ³
Cumene 98-82-8 (0.1-1)		C2B	S* TWA: 50 ppm	STEL 75 ppm STEL 375 mg/m ³ TWA 25 ppm TWA 125 mg/m ³	S* STEL 75 ppm STEL 307.5 mg/m ³

Các biện pháp kỹ thuật Bảo đảm thông khí đầy đủ, nhất là ở những khu vực có không gian hạn chế. Trong trường hợp có thể, điều này sẽ đạt được nếu sử dụng ống thông khí cục bộ và hút khí tốt. Thông gió cho tất cả các phương tiện vận tải trước khi dỡ hàng.

Trang bị bảo hộ cá nhân**Bảo Vệ Đường Hô Hấp**

Sản phẩm không tự động gây phiền toái khi tiếp xúc với không khí khi vận chuyển bình thường. Trong trường hợp xả vô tình vật liệu tạo ra hơi nặng hoặc sương mù, người lao động nên đặt thiết bị bảo hộ hô hấp chính thức được chấp thuận với một loại bộ lọc phổ quát bao gồm cả bộ lọc hạt.

Bảo Vệ Tay

Mang găng tay bảo hộ hóa học được làm bằng các vật liệu như nitrile hoặc cao su tổng hợp.

Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt

Đối với bụi, giặt gụ, sương mù hoặc phun phơi, hãy mang kính bảo hộ hóa chất.

Phương Tiện Bảo Vệ Da và Cơ Thể

Giảm thiểu ô nhiễm da bằng cách làm theo các biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt. Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp. Giày hoặc ủng bảo hộ.

Các biện pháp vệ sinh

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn.

Mục 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng Thái Vật Lý	Chất lỏng
Ngoại quan	Hỗ phách Chất lỏng
Mùi	Thơm Dung môi
Màu	Hỗ phách
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin
pH	Không có thông tin
Điểm chảy/điểm đông	Không có thông tin
Điểm sôi / Phạm vi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	43.3 °C / 109.94 °F Cốc Kín Tag
Tốc Độ Bay Hơi	Không có thông tin
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới Hạn Cháy trong Không Khí	
Giới hạn nồng độ cháy trên:	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới:	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
Khối lượng riêng	0.976
Độ tan trong nước	Nhũ hóa
(Các) độ hòa tan	Không có thông tin
Hệ số phân tách	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Tính nhớt, động lực học	Không có thông tin
Tính nhớt, tính động	Không có thông tin
Tỷ trọng	8.08 lb/gal
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin

Mục 10: ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không áp dụng.
Độ bền	Bền với điều kiện sử dụng theo hướng dẫn.
Phản ứng nguy hại	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần Tránh	Nhiệt, ngọn lửa và tia lửa.
Sản phẩm không tương thích	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.
Các Sản Phẩm Phân Hủy Nguy Hại	Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến phóng thích ra các khí và hơi kích ứng và độc: Các Cacbon oxyt, Hydro xyanua, Chlorine, Hydrogen chloride,

Mục 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Các số đo độc tính - Thông Tin Về Sản Phẩm

LD50 đường miệng	137 mg/kg (chuột)
LD50 đường da	> 2000 mg/kg (thỏ)
LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp	2.18 mg/l 4 hr (chuột)
Ăn mòn/kích ứng da	Kích thích vừa phải (thỏ).
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Kích thích nhẹ (thỏ).
Nhạy	Chất gây mẫn cảm.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Khả năng gây đột biến	Cypermethrin: Không độc tính trong các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm.
Khả năng gây ung thư	Cypermethrin gây ra sự gia tăng các khối u phổi lành tính ở chuột, nhưng không gây ra ở chuột. EPA đã phân loại cypermethrin như một chất gây ung thư có thể của con người dựa trên thông tin này, nhưng không điều chỉnh dựa trên nguy cơ ung thư thấp. Cypermethrin: Không có độc tính với sinh sản.
Độc tính sinh sản	Cypermethrin: Không gây quái thai trong các nghiên cứu trên động vật.
Độc tính tăng trưởng	Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
STOT - tiếp xúc một lần	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc nhiều lần.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới.
Độc tính trường diễn	Cypermethrin: Tiếp xúc lâu dài gây độc thần kinh (run cơ, giảm hoạt động vận động), giảm trọng lượng cơ thể và tăng trọng lượng gan và lá lách.
Tác dụng trên cơ quan mục tiêu	Hệ Thần Kinh Trung Ương.
Tác dụng trên thần kinh	Cypermethrin: Gây ra các dấu hiệu lâm sàng của nhiễm độc thần kinh (run cơ, giảm hoạt động vận động và đáng đi bị suy yếu) sau phơi nhiễm cấp tính, cận mẫn tính hoặc mạn tính.
Triệu chứng	Các dấu hiệu của độc tính trong động vật thí nghiệm bao gồm hypertonicity, ataxia, hôn mê, co giật, thở hỗn hển, tiết nước bọt, khó thở, và rụng tóc. Liều lượng lớn cypermethrin ăn vào bởi động vật thí nghiệm tạo ra các dấu hiệu của độc tính bao gồm mất kiểm soát động cơ, run, giảm hoạt động, tiểu không tự chủ, không liên quan, tăng nhạy cảm với âm thanh và co giật.
Nguy cơ sặc phải	Có thể bị sặc vào phổi khi nuốt phải. Có thể chết người khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

Tên hóa chất	Trung Quốc	IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)
Cypermethrin		Group 2A
Xylenes		Group 3
Cumene		Group 2B

IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)

Nhóm 2A - Hầu Như Chắc Chắn Gây Ung Thư cho Người Nhóm 2B - Có thể Gây Ung Thư cho Người Nhóm 3 - Không thể phân loại là chất gây ung thư của nó đối với con người

Mục 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Cypermethrin (52315-07-8)				
Active Ingredient(s)	Duration	Loài	Giá trị	Đơn vị
Cypermethrin	48 h EC50	Giáp xác	0.3	µg/l
	96 h LC50	Cá	2.8	µg/l
	72 h EC50	Tảo	> 0.1	mg/l

	21 d NOEC	Giáp xác	0.04	µg/l
	21 d NOEC	Cá	0.03	µg/l
	96 h NOEC (Nồng độ cao nhất không quan sát thấy tác dụng)	Tảo	1.3	mg/l

Độ bền vững và độ phân hủy	Cypermethrin: Duy trì vừa phải. Không ngay lập tức thủy phân. Không dễ dàng bị phân hủy sinh học.
Tích lũy sinh học	Cypermethrin: Chất này có tiềm năng sinh học.
Khả năng di chuyển	Cypermethrin: bất động; Không được dự kiến sẽ tiếp cận với nước ngầm.
Các Tác Dụng Có Hại Khác	Không có thông tin.

Mục 13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy chất thải Xử lý thuốc trừ sâu dư thừa, xịt hỗn hợp, hoặc rửa lại là bị cấm. Nếu những chất thải này không thể xử lý bằng cách sử dụng theo hướng dẫn nhãn, liên hệ cơ quan xử lý thích hợp để được hướng dẫn. Phải mang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, như được mô tả trong Phần 7 và 8, trong khi xử lý vật liệu để xử lý chất thải.

Bao Bì Đã Bị Nhiễm Các thùng chứa phải được xử lý theo quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang. Tham khảo nhãn sản phẩm để biết hướng dẫn xử lý.

Mục 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

IMDG/IMO

Số UN/Mã Định Danh (ID)	UN3351
Tên Vận Chuyển Đường Biển	Thuốc trừ sâu Pyrethroid, chất lỏng, độc, dễ cháy
Nhóm hiểm họa	6.1
Loại Hiểm Họa Phụ	3
Nhóm Đóng Gói	III
EmS No.	F-E, S-D
Chất Ô Nhiễm Biển	Cypermethrin

ICAO/IATA

Số UN/Mã Định Danh (ID)	UN3351
Tên Vận Chuyển Đường Biển	Thuốc trừ sâu Pyrethroid, chất lỏng, độc, dễ cháy
Nhóm hiểm họa	6.1
Loại Hiểm Họa Phụ	3
Nhóm Đóng Gói	III
Các Quy Định Đặc Biệt	Marks: Pyrethroid pesticide, liquid, toxic, flamm able (cypermethrin, aromatic hydrocarbons), UN3351
Chất Ô Nhiễm Biển	Cypermethrin

Mục 15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Các Danh Mục Quốc Tế

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, ma túy, mỹ phẩm hoặc thiết bị khi sản xuất, chế biến hoặc phân phối trong thực phẩm để sử dụng, phụ gia thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm hoặc thiết bị có thể không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo của địa phương. Kiểm tra các quy định địa phương để biết thêm thông tin.

Tên hóa chất	Đạo Luật	Danh Mục	EINECS/ELIN	Danh Mục	Trung Quốc	KECL (Korea)	Danh Mục	Danh Mục
--------------	----------	----------	-------------	----------	------------	--------------	----------	----------

	Kiểm Soát Chất Độc - TSCA (Hoa Kỳ)	Hóa Chất Nội Địa - DSL (Canada)	CS (Europe)	Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới - ENCS (Nhật)	(IECSC)		Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philippin - PICCS (Philippin)	Hóa Chất - AICS (Úc)
Naphtha (petroleum), heavy aromatic 64742-94-5	X	X	X		X	X	X	X
Cypermethrin 52315-07-8			X		X	X	X	X
Pseudocumene 95-63-6	X	X	X	X	X	X	X	X
Xylenes 1330-20-7	X	X	X	X	X	X	X	X
Cumene 98-82-8	X	X	X	X	X	X	X	X

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

DSL/NDL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada

EINECS/ELINCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu

ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản

IECSC - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc

KECL - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc

PICCS - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philippin

AICS - Danh Mục Hóa Chất của Úc

Mục 16: THÔNG TIN KHÁC

Soạn Thảo Bởi

FMC Corporation

FMC Logo - Trademark of FMC Corporation

© 2018 FMC Corporation. All Rights Reserved.

Ngày sửa đổi:

2018-06-28

Chú thích về sửa đổi

(M)SDS sections updated.

Tuyên bố miễn trách

FMC Corporation tin rằng thông tin và tư vấn chứa các ứng dụng (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày này. Không **BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, BẢO ĐẢM ĐẢM BẢO HOẶC BẤT K OTHER BẢO ĐẢM KHÁC, NỔI BẬT HOẶC ĐƯỢC THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN QUAN** Hơn nữa, vì các điều kiện và phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC, **CUNG CẤP Ở đây**. Thông tin này chỉ được đặt cho sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Tổng công ty, công ty FMC từ chối bất kỳ và tất cả trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ kết quả nào thu được hoặc phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào hoặc dựa vào thông tin đó.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn